

UBND TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
**QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Số: 107/QĐ-HĐQL

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 25 tháng 9 năm 2012

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế cho vay lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất  
vay, tài trợ, đồng tài trợ và nhận ủy thác cho vay của Quỹ Bảo vệ  
Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

**HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH**

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường năm 2005;

Căn cứ Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quyết định số 726/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1914/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi Điều 17 Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh (Tờ trình số 193/TTr-QBVMT ngày 17 tháng 9 năm 2012),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cho vay lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, tài trợ, đồng tài trợ và nhận ủy thác cho vay của Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Quy chế gồm 4 chương, 46 Điều.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

**Điều 3.** Các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ Môi trường, Giám đốc Quỹ Bảo vệ Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Trần Ngọc Thới;
- Lưu VT, S3 (10b)



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH**  
Trần Ngọc Thới

## QUY CHẾ

Cho vay lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, tài trợ, đồng tài trợ và nhận ủy thác cho vay của Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 104/QĐ.HĐQL ngày 15 tháng 9 năm 2012 của Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định một số hoạt động nghiệp vụ của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là Quỹ) bao gồm:

1. Cho vay với lãi suất ưu đãi là hình thức hỗ trợ tài chính của Quỹ đối với các tổ chức, cá nhân có các dự án đầu tư vào lĩnh vực bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Hỗ trợ lãi suất vay là hình thức hỗ trợ tài chính của Quỹ đối với các tổ chức, cá nhân có các dự án bảo vệ môi trường, khi tổ chức, cá nhân đó vay vốn của các tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam.

3. Tài trợ và đồng tài trợ là hình thức hỗ trợ tài chính không hoàn lại của Quỹ đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện các chương trình, dự án và hoạt động thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Nhận ủy thác là việc các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước ủy quyền cho Quỹ cho vay, thu hồi nợ và tài trợ theo các quy định được thỏa thuận trong hợp đồng nhận ủy thác. Khi thực hiện chức năng này, Quỹ được hưởng phí dịch vụ nhận ủy thác.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân (sau đây gọi là chủ dự án) thực hiện các chương trình, dự án hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (sau đây gọi chung là dự án) nhằm phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

#### Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cho vay là một hình thức cấp tín dụng, theo đó Quỹ giao cho chủ dự án sử dụng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích thực hiện dự án đầu tư bảo vệ



môi trường với thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc lẫn lãi.

**2. Thời hạn cho vay** là khoảng thời gian tính từ khi chủ dự án bắt đầu nhận vốn vay cho đến thời điểm cam kết hoàn trả hết nợ gốc và lãi vay đã được thỏa thuận trong hợp đồng hỗ trợ tài chính giữa Quỹ và chủ dự án.

**3. Thời hạn gia hạn nợ vay** là khoảng thời gian Quỹ chấp thuận cho chủ dự án vay vốn kéo dài thêm một khoảng thời gian ngoài thời hạn cho vay đã thỏa thuận trước đó trong hợp đồng hỗ trợ tài chính.

**4. Thời hạn trả nợ** là thời gian từ khi chủ dự án bắt đầu trả nợ gốc cho đến khi trả hết vốn vay theo như cam kết trong hợp đồng hỗ trợ tài chính.

**5. Kỳ hạn trả nợ** là khoảng thời gian quy định cho từng lần trả nợ trong thời hạn trả nợ.

**6. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ** là việc Quỹ chấp thuận cho chủ dự án vay vốn thay đổi các kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận trước đó trong hợp đồng hỗ trợ tài chính.

**7. Hợp đồng hỗ trợ tài chính** là văn bản pháp lý được ký kết dưới hình thức Hợp đồng kinh tế về các nội dung liên quan đến hỗ trợ tài chính.

**8. Nợ quá hạn** là khoản nợ mà một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi đã phát sinh nhưng chưa được trả sau ngày đến hạn phải trả.

**Điều 4. Đồng tiền trong giao dịch hỗ trợ tài chính** là đồng tiền Việt Nam (viết tắt là VND).

## Chương II

### HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ CỦA QUỸ

#### Mục I

#### CHO VAY VỚI LÃI SUẤT ƯU ĐÃI

##### **Điều 5. Đối tượng được vay với lãi suất ưu đãi**

Đối tượng được vay với lãi suất ưu đãi (dưới đây gọi là Bên vay) là các đối tượng quy định tại Điều 2 của Quy chế này.

Trong từng thời kỳ, Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định danh mục ưu tiên và tiêu chí xét chọn cho vay.

##### **Điều 6. Nguyên tắc vay**

Chủ dự án vay vốn tại Quỹ phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

1. Sử dụng vốn vay đúng mục đích đã thỏa thuận trong hợp đồng hỗ trợ tài chính.

2. Hoàn trả vốn vay và lãi vay đúng thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng hỗ trợ tài chính.

## **Điều 7. Điều kiện vay**

Quỹ xem xét và quyết định cho vay khi chủ dự án vay vốn có đủ điều kiện sau đây:

1. Thuộc đối tượng quy định tại Điều 5 của Quy chế này.
2. Có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.
3. Dự án của chủ đầu tư đã hoàn thành thủ tục đầu tư và xây dựng theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.
4. Hồ sơ vay vốn được Quỹ thẩm định và chấp nhận.
5. Có khả năng tài chính và khả năng trả nợ trong thời hạn cam kết ghi tại hồ sơ đề nghị hỗ trợ tài chính.
6. Phải bảo đảm nguồn vốn đối ứng tham gia đầu tư theo đúng tiến độ đã xác định trong hồ sơ đề nghị hỗ trợ tài chính.
7. Thực hiện các quy định về bảo đảm tiền vay tại Điều 13 của Quy chế này.

## **Điều 8. Phương thức cho vay**

Quỹ áp dụng phương thức cho vay theo dự án đầu tư. Nguồn vốn cho vay được giải ngân theo tiến độ thực hiện dự án.

## **Điều 9. Mức cho vay**

1. Mức cho vay một dự án tối đa không quá 70% so với tổng mức đầu tư của dự án.
2. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mức vốn cho vay đối với từng nhóm đối tượng vay và thẩm quyền quyết định cho vay của Giám đốc trong từng thời kỳ.

## **Điều 10. Thời hạn cho vay**

Thời hạn cho vay do Giám đốc Quỹ quyết định được xác định phù hợp với khả năng nguồn vốn của Quỹ Bảo vệ môi trường, điều kiện cụ thể của dự án vay vốn và khả năng trả nợ của chủ dự án xin vay vốn, nhưng không quá 05 năm. Trường hợp đặc biệt do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định nhưng không quá 10 năm.

## **Điều 11. Lãi suất cho vay**

Lãi suất cho vay của Quỹ Bảo vệ môi trường là lãi suất ưu đãi, bằng 50% mức lãi suất cho vay các chương trình, dự án phục vụ nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn của Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh công bố tại thời điểm ký kết hợp đồng cho vay. Trường hợp các dự án vay vốn vi phạm hợp đồng vay vốn, trả nợ không đúng hạn, chủ dự án phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.



## **Điều 12. Thẩm quyền quyết định cho vay**

1. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định cho vay đối với những khoản vay vượt mức thẩm quyền của Giám đốc Quỹ.
2. Giám đốc Quỹ quyết định cho vay trong phạm vi mức vốn do Hội đồng quản lý Quỹ quy định.

## **Điều 13. Bảo đảm tiền vay**

1. Chủ dự án vay vốn phải dùng tài sản là động sản, bất động sản, chứng từ có giá thuộc quyền sở hữu của mình để bảo đảm tiền vay bằng hình thức cầm cố, thế chấp tại Quỹ hoặc bảo lãnh của bên thứ ba.
2. Quỹ Bảo vệ môi trường ưu tiên xét duyệt, giải ngân các chương trình, dự án bảo vệ môi trường xin hỗ trợ tài chính có chứng thư bảo lãnh của Ngân hàng để bảo đảm tiền vay hoặc có sự tham gia hợp vốn của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam. Quá trình thực hiện bảo lãnh theo qui định của pháp luật về bảo lãnh ngân hàng.
3. Trong thời gian chưa trả hết nợ, chủ dự án vay vốn không được chuyển nhượng, bán hoặc thế chấp tài sản đã thế chấp tại Quỹ.
4. Trình tự và thủ tục bảo đảm tiền vay, xử lý tài sản bảo đảm tiền vay thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo đảm tiền vay và quy định của Quỹ.

## **Điều 14. Tiếp nhận hồ sơ**

Chủ dự án các dự án thuộc đối tượng và điều kiện quy định tại quy chế này chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, tính chính xác của các thông tin và tài liệu gửi đến Quỹ. Nội dung hồ sơ vay vốn theo quy định và hướng dẫn cụ thể của Quỹ, hồ sơ gồm có:

- a. Hồ sơ về dự án xin vay vốn:
  - Giấy đề nghị hỗ trợ tài chính;
  - Dự án đầu tư bảo vệ môi trường;
  - Hợp đồng kinh tế (giữa chủ dự án và đơn vị tư vấn lập dự án và thiết kế công trình nếu chủ dự án không có khả năng tự thực hiện);
  - Quyết định phê duyệt dự án đầu tư theo qui định của pháp luật;
  - Các tài liệu khác liên quan đến dự án.
- b. Hồ sơ pháp lý:
  - Quyết định thành lập/ Giấy phép đầu tư/ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép hành nghề;
  - Điều lệ hoạt động (nếu có);
  - Quyết định bổ nhiệm giám đốc hoặc người đại diện theo pháp luật, kế toán trưởng.

c. Hồ sơ tài chính:



- Báo cáo tài chính của năm trước liền kề và các quý gần nhất đã được kiểm toán hoặc được cơ quan thuế xác nhận đối với đơn vị đang hoạt động (Đối với đơn vị hoạt động dưới một năm thì phải có báo cáo tài chính các quý gần nhất và chủ dự án chịu trách nhiệm về mặt pháp lý đối với báo cáo tài chính do đơn vị tự lập. Đơn vị mới thành lập không yêu cầu nộp báo cáo tài chính);

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh.

d. Hồ sơ bảo đảm tiền vay – đáp ứng một trong hai điều kiện sau:

- Tài sản thế chấp, cầm cố và các tài liệu chứng minh quyền sở hữu, được phép giao dịch, giấy chứng nhận bảo hiểm (đối với tài sản phải bảo hiểm theo quy định của pháp luật) và không có tranh chấp;

- Thư cam kết bảo lãnh của ngân hàng hoặc các tài liệu liên quan đến hồ sơ bảo lãnh của bên thứ ba.

Sau khi hồ sơ vay vốn được duyệt, chủ dự án phải cung cấp bản chính các hồ sơ, tài liệu liên quan đến bảo đảm tiền vay.

### **Điều 15. Quy trình thẩm định hồ sơ hỗ trợ tài chính**

Sau khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ tài chính, Quỹ tiến hành thẩm định hồ sơ theo các bước sau:

Bước 1: Thẩm định dự án vay vốn

- Thẩm định tư cách pháp lý: Đơn vị vay vốn phải là chủ thể theo đúng quy định của pháp luật: Cá nhân, đại diện hộ gia đình, đại diện tổ hợp tác, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, chủ doanh nghiệp tư nhân... phải có đủ năng lực hành vi dân sự, có trụ sở làm việc, địa chỉ giao dịch, nơi sản xuất kinh doanh của đơn vị.

- Căn cứ các tài liệu kế toán và phương án vay vốn của chủ dự án cung cấp, Quỹ lập Báo cáo tổng hợp tình hình và năng lực tài chính của đơn vị vay vốn; Báo cáo tổng hợp tính khả thi của dự án về công tác bảo vệ môi trường.

Bước 2: Tổ chức họp Hội đồng thẩm định dự án

- Hội đồng thẩm định dự án dựa vào các tài liệu của chủ dự án cung cấp, các Báo cáo tổng hợp của Quỹ đưa ra nhận xét và đánh giá tính khả thi, hiệu quả về mặt môi trường của dự án, kiến nghị các vấn đề cần bổ sung (nếu có) cho phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay hoặc xin hỗ trợ từ nguồn của Quỹ.

- Thông qua kết luận của Hội đồng về việc hỗ trợ tài chính cho dự án.

Bước 3: Căn cứ kết luận của Hội đồng thẩm định, kết quả thẩm định hồ sơ của dự án, nếu hồ sơ hợp lệ Giám đốc Quỹ xem xét quyết định cho vay (đối với dự án thuộc thẩm quyền cho vay của Giám đốc) hoặc lập tờ trình trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

### **Điều 16. Thời gian thẩm định và quyết định hỗ trợ tài chính**



Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày Quỹ nhận được đầy đủ hồ sơ vay vốn hợp lệ và thông tin cần thiết của chủ dự án theo quy định tại Điều 14 của Quy chế này, Quỹ có trách nhiệm thẩm định tư cách pháp lý, lập báo cáo tổng hợp tài chính và dự án môi trường của hồ sơ đề nghị hỗ trợ tài chính, tổ chức họp Hội đồng thẩm định chương trình, dự án. Thời gian này không bao gồm thời gian đơn vị vay vốn bổ sung hồ sơ theo quy định.

a. Các dự án trong thẩm quyền cho vay của Giám đốc Quỹ:

Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức họp Hội đồng thẩm định dự án, Giám đốc Quỹ thông báo kết quả thẩm định hồ sơ vay vốn của dự án. Nếu dự án không đủ điều kiện vay vốn, Giám đốc Quỹ phải thông báo với chủ dự án bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do từ chối cho vay.

b. Các dự án vượt thẩm quyền cho vay của Giám đốc Quỹ:

Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận kết quả thẩm định hồ sơ vay vốn, Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định dự án xin vay vốn. Đối với dự án không đủ điều kiện vay vốn, sau 05 ngày làm việc kể từ ngày có ý kiến của Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ thông báo cho chủ dự án bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do từ chối cho vay.

### **Điều 17. Hợp đồng vay vốn**

- Sau khi dự án vay vốn được Giám đốc Quỹ hoặc Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận cho vay thì tiến hành ký kết hợp đồng vay vốn.

- Nội dung hợp đồng vay vốn theo mẫu quy định của Quỹ, gồm có: Tên, địa chỉ bên cho vay và bên vay (chủ dự án), người đại diện hoặc bên bảo lãnh (nếu có), số tiền vay, mục đích sử dụng vốn vay, cách thức và tiến độ cấp vốn vay, lãi suất vay, thời hạn vay, phương thức và thời hạn trả nợ, giá trị và hình thức bảo đảm tiền vay, biện pháp xử lý tài sản bảo đảm tiền vay, quyền và nghĩa vụ của các bên và các cam kết khác được các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

- Hợp đồng vay được thành lập bốn (04) bản có giá trị pháp lý như nhau và gửi cho các bên: Chủ dự án vay vốn một (01) bản; cơ quan điều hành nghiệp vụ của Quỹ hai (02) bản; Hội đồng quản lý Quỹ một (01) bản.

### **Điều 18. Cấp vốn vay tạm ứng**

Việc cấp vốn vay được thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng vay đã ký, phù hợp với tiến độ và nhu cầu sử dụng vốn vay của chủ dự án. Mỗi lần cấp vốn vay, chủ dự án phải ký Giấy nhận nợ.

1. Chủ dự án được cấp vốn vay để tạm ứng cho các nhà thầu trong các trường hợp sau:

- a. Dự án vay vốn thực hiện đấu thầu theo hợp đồng chìa khóa trao tay;
- b. Các gói thầu xây lắp tổ chức đấu thầu;
- c. Mua sắm thiết bị (thiết bị nhập khẩu và thiết bị mua trong nước);
- d. Các hợp đồng tư vấn;

*ly*



## 2. Mức vốn cho vay tạm ứng

a. Đối với các dự án đầu tư thực hiện đấu thầu theo hợp đồng chia khóa trao tay thì tạm ứng cho việc mua sắm thiết bị căn cứ vào tiến độ thanh toán trong hợp đồng chia khóa trao tay hoặc tạm ứng cho các công việc khác tùy theo đề nghị của chủ dự án vay vốn nhưng tổng số tiền cho vay tạm ứng không vượt mức vốn được vay trong kế hoạch năm.

b. Đối với xây lắp: Mức tạm ứng tối đa bằng 20% giá trị hợp đồng xây lắp.

c. Đối với mua sắm thiết bị:

Mức vốn tạm ứng là số tiền mà chủ dự án phải trả cho nhà thầu cung ứng thiết bị, nhà thầu vận chuyển thiết bị (nếu có) theo hợp đồng kinh tế mua bán thiết bị.

Việc cho vay vốn để tạm ứng được thực hiện theo tiến độ thanh toán tiền trong hợp đồng mua bán thiết bị, hợp đồng vận chuyển thiết bị và được thực hiện cho đến khi thiết bị đã nhập kho của chủ dự án (đối với thiết bị không cần lắp đặt) hoặc đã được lắp đặt xong và nghiệm thu (đối với thiết bị cần lắp đặt).

d. Đối với các hợp đồng tư vấn, mức vốn cho vay để tạm ứng 50% hợp đồng.

e. Đối với một số công việc thuộc chi phí khác của dự án được cấp vốn vay tạm ứng, Quỹ xem xét nhu cầu vốn tạm ứng của chủ dự án (thông báo yêu cầu nộp tiền, dự toán chi phí của bộ máy quản lý dự án) để cấp vốn vay tạm ứng.

3. Để được cấp vốn vay tạm ứng, chủ dự án làm giấy đề nghị Quỹ cấp vốn tạm ứng ghi rõ lý do và thời điểm sử dụng vốn vay tạm ứng và cam kết sử dụng vốn vay tạm ứng đúng mục đích cùng các tài liệu sau:

a. Đối với các dự án thực hiện đấu thầu theo hợp đồng chia khóa trao tay (đấu thầu toàn bộ các công việc thiết kế, cung cấp thiết bị, xây lắp được thực hiện thông qua một nhà thầu) và các gói thầu xây lắp thực hiện đấu thầu, gồm:

- Văn bản phê duyệt kết quả đấu thầu;
- Hợp đồng kinh tế giữa chủ dự án và nhà thầu;
- Giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng của nhà thầu (nếu có).

b. Đối với việc mua sắm thiết bị (kể cả thiết bị nhập khẩu và thiết bị mua trong nước), gồm:

- Văn bản phê duyệt kết quả đấu thầu (đối với phần thiết bị tổ chức đấu thầu) hoặc quyết định chỉ định thầu;
- Hợp đồng kinh tế giữa chủ dự án và nhà thầu cung ứng, gia công chế tạo thiết bị;
- Giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng của nhà thầu (đối với phần thiết bị tổ chức đấu thầu).



Riêng đối với việc vay vốn để tạm ứng cho hợp đồng nhập khẩu thiết bị, ngoài các tài liệu nêu trên, chủ dự án gửi thêm các tài liệu sau:

- Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu của chủ dự án (nếu chủ dự án thực hiện trực tiếp việc nhập khẩu);
  - Hợp đồng ủy thác nhập khẩu và giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu của đơn vị nhập ủy thác và giấy bảo lãnh tiền đặt cọc thiết bị do ngân hàng của nhà thầu phát hành (trường hợp vay vốn tạm ứng để đặt cọc tiền thiết bị);
  - Các tài liệu khác liên quan tùy từng trường hợp cụ thể.
- c. Đối với các công việc phải thuê tư vấn, tài liệu gồm:
- Hợp đồng kinh tế giữa chủ dự án và nhà thầu tư vấn;
  - Các tài liệu khác liên quan tùy từng trường hợp cụ thể.

### **Điều 19. Cấp vốn vay thanh toán**

#### **1. Cấp vốn vay thanh toán khối lượng xây lắp**

a. Khối lượng xây lắp hoàn thành theo hình thức chỉ định thầu được cấp vốn vay thanh toán là khối lượng thực hiện theo hợp đồng, đã được nghiệm thu đúng chế độ quy định. Chủ dự án gửi đến Quỹ các tài liệu sau:

- Quyết định chỉ định thầu hợp lệ;
- Thiết kế, dự toán chi tiết hạng mục công trình được lập theo đúng định mức, đơn giá của Nhà nước;
- Văn bản phê duyệt thiết kế - dự toán;
- Hợp đồng kinh tế giữa chủ dự án và nhà thầu;
- Biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành kèm theo bản tính giá trị khối lượng được nghiệm thu;
- Chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật.

Những khối lượng phát sinh ngoài dự toán phải có dự toán bổ sung được phê duyệt.

b. Khối lượng xây lắp hoàn thành theo hình thức đấu thầu được cấp vốn vay thanh toán là khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu theo hợp đồng. Chủ dự án gửi đến Quỹ các tài liệu sau:

- Văn bản phê duyệt kết quả đấu thầu kèm dự toán trúng thầu và biên bản điều chỉnh số liệu của hội đồng xét thầu (nếu có);
- Hợp đồng kinh tế giữa chủ dự án và nhà thầu;
- Biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành kèm theo bản tính giá trị khối lượng được nghiệm thu;
- Phiếu giá và chứng từ thành toán.

Những khối lượng phát sinh ngoài giá thầu phải có văn bản phê duyệt kết quả đấu thầu bổ sung.

## 2. Cấp vốn vay thanh toán khối lượng thiết bị

Khối lượng thiết bị hoàn thành được cho vay thanh toán là khối lượng thiết bị đã nhập kho của chủ dự án (đối với thiết bị không cần lắp đặt) hoặc đã lắp đặt xong và được nghiệm thu (đối với thiết bị cần lắp đặt). Danh mục thiết bị phải phù hợp với quyết định đầu tư và hợp đồng mua bán. Chủ dự án gửi đến Quỹ các tài liệu sau:

- Hợp đồng kinh tế giữa chủ dự án với nhà thầu cung cấp thiết bị;
- Hóa đơn tài chính (đối với thiết bị mua trong nước);
- Phiếu nhập kho (đối với thiết bị không cần lắp đặt) hoặc biên bản nghiệm thu khối lượng thiết bị lắp đặt hoàn thành (đối với thiết bị cần lắp đặt);
- Các chứng từ có liên quan đến chi phí thiết bị (vận chuyển, bảo quản, bảo hiểm, thuế, phí lưu kho...);
- Phiếu giá (hoặc bảng kê) và các chứng từ thanh toán hợp lệ khác;
- Các tài liệu khác liên quan tùy từng trường hợp cụ thể.

## 3. Cấp vốn vay thanh toán khối lượng công tác tư vấn

Khối lượng công tác tư vấn hoàn thành được cho vay thanh toán là khối lượng thực hiện được nghiệm thu phù hợp với hợp đồng kinh tế. Chủ dự án gửi đến Quỹ các tài liệu sau:

- Hợp đồng tư vấn giữa chủ dự án và nhà tư vấn;
- Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc tư vấn hoàn thành;
- Chứng từ thanh toán theo quy định hiện hành của pháp luật về hoạt động tư vấn.

## Điều 20. Quá trình cấp vốn vay

1. Căn cứ đề nghị của chủ dự án và hồ sơ tạm ứng (hoặc hồ sơ thanh toán) do chủ dự án gửi đến, Quỹ có trách nhiệm kiểm tra và thực hiện cấp vốn vay cho chủ dự án tạm ứng (hoặc thanh toán) cho các nhà thầu xây lắp, tư vấn, cung ứng thiết bị... theo đúng qui định trên. Việc cấp vốn được thực hiện thông qua tài khoản tiền gửi của Quỹ Bảo vệ Môi trường tại các Ngân hàng.

Trường hợp chủ dự án được cấp vốn vay tạm ứng, ngay sau thời điểm sử dụng vốn vay tạm ứng ghi trong giấy đề nghị tạm ứng, chủ dự án phải xuất trình các tài liệu chứng minh việc sử dụng vốn vay tạm ứng đúng mục đích tạm ứng ban đầu và tiến hành thanh toán tạm ứng, chuyển sang thủ tục vay vốn khối lượng đã hoàn thành.

2. Mức vốn cho vay thanh toán đối với toàn bộ dự án hoặc từng hạng mục công trình không được vượt tổng dự toán, dự toán (hoặc giá trúng thầu) được duyệt trừ đi số vốn đã cho vay tạm ứng (nếu có) và trong phạm vi tổng mức vốn cho vay của dự án đã xác định trong hợp đồng hỗ trợ tài chính đã ký.



3. Mỗi lần nhận vốn vay (bao gồm cả cấp vốn vay tạm ứng và cấp vốn vay thanh toán), chủ dự án phải ký nhận nợ vào Giấy nhận nợ. Giấy nhận nợ chỉ có một (01) bản chính duy nhất lưu tại Quỹ.

4. Tiền vay được chuyển khoản trực tiếp cho bên thụ hưởng. Quỹ chỉ xem xét cho vay bù đắp nguồn vốn huy động tạm thời (không phải là vốn vay của các tổ chức tài chính, tổ chức tín dụng khác) mà chủ dự án đã sử dụng để thanh toán các chi phí của dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trên cơ sở các chứng từ pháp lý và tài sản hiện hữu chứng minh rõ nguồn vốn đã sử dụng trước đó khi dự án chưa đi vào vận hành và phát sinh chưa quá 12 tháng (tính đến thời điểm cho vay).

5. Trong các tài liệu do chủ dự án gửi cho Quỹ, có loại tài liệu chỉ gửi một lần cho toàn bộ dự án và loại tài liệu gửi nhiều lần khi đề nghị thanh toán (hoặc tạm ứng). Các tài liệu gửi một lần bao gồm: báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán, văn bản phê duyệt kết quả đấu thầu (hoặc dự toán được duyệt) kèm theo các tài liệu về dự toán, hợp đồng kinh tế giữa chủ đầu tư và nhà thầu, giấy phép xây dựng (nếu có).

Tài liệu chủ dự án gửi Quỹ phải là bản gốc. Trường hợp không thể nộp bản gốc (có lý do chính đáng và cam kết của chủ dự án) cho Quỹ thì bản sao phải có công chứng nhà nước và chủ dự án có trách nhiệm cung cấp bản gốc để Quỹ đối chiếu.

6. Các trường hợp đặc biệt khi chủ dự án không đủ các điều kiện để Quỹ cấp vốn vay quy định tại khoản 1 và 2 điều này, bộ phận nghiệp vụ cấp phát vốn vay lập tờ trình báo cáo Giám đốc hoặc Hội đồng quản lý xem xét giải quyết.

#### **Điều 21. Thu nợ**

1. Quỹ khuyến khích chủ dự án vay vốn trả nợ trước hạn.

2. Đến kỳ hạn trả nợ quy định trong hợp đồng vay vốn đã ký, chủ dự án vay vốn phải chủ động trả nợ vốn vay cho Quỹ. Nguồn trả nợ bao gồm toàn bộ khấu hao hoặc nguồn thu phí sử dụng tài sản hình thành bằng vốn vay, lợi nhuận sau thuế và các nguồn vốn hợp pháp khác của chủ dự án.

3. Đến kỳ hạn trả nợ, nếu chủ dự án vay vốn không trả nợ và không được gia hạn nợ (kể cả điều chỉnh thời điểm bắt đầu trả nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ) hoặc khoan nợ, thì Quỹ chuyển số nợ gốc đến hạn phải trả sang nợ quá hạn và chịu lãi phạt bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

4. Đối với nợ quá hạn, sau khi đã áp dụng các biện pháp thu nợ mà chủ dự án vẫn không trả được nợ, Quỹ được quyền phát mại tài sản thế chấp, bảo lãnh vay vốn theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

5. Trường hợp chủ dự án vay vốn bị phá sản, bị giải thể hoặc bị chết trong khi chưa trả hết nợ vay cho Quỹ thì việc thu hồi nợ được thực hiện theo quy



định của pháp luật. Quỹ được quyền phát mại tài sản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh vốn vay để thu hồi nợ vay.

## **Điều 22. Gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ**

1. Chủ dự án vay vốn phải trả nợ đúng hạn cho Quỹ theo hợp đồng vay vốn đã ký. Nếu vì lý do khách quan, chủ dự án thực sự gặp khó khăn trong quá trình thực hiện dự án hoặc trong sản xuất kinh doanh, dẫn đến không thể trả được nợ vay theo hợp đồng vay thì trước kỳ hạn trả nợ một tháng chủ dự án phải có văn bản xin gia hạn nợ hoặc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gửi đến Quỹ, trong đó giải trình rõ lý do không trả được nợ đúng hạn, đề xuất các biện pháp khắc phục khó khăn để tạo nguồn trả nợ.

2. Căn cứ hồ sơ xin gia hạn nợ của chủ dự án, Giám đốc Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, xem xét để quyết định cho gia hạn theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định gia hạn nợ. Thời gian gia hạn nợ của dự án không quá 1/5 thời hạn vay vốn ghi trong hợp đồng tín dụng.

3. Các trường hợp điều chỉnh khác do Giám đốc Quỹ xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

## **Điều 23. Rủi ro và xử lý rủi ro**

1. Các chủ dự án có dự án vay vốn bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan được xử lý như sau:

a. Do chính sách nhà nước thay đổi thì được Quỹ xem xét gia hạn nợ theo các quy định tại Điều 22 của Quy chế này. Nếu vẫn tiếp tục khó khăn thì Hội đồng quản lý Quỹ xem xét miễn hoặc giảm lãi tiền vay trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ. Thủ tục và trình tự đề nghị miễn, giảm lãi tiền vay thực hiện như trường hợp gia hạn nợ.

Trường hợp đã áp dụng mọi biện pháp gia hạn nợ, miễn giảm tiền lãi vay mà chủ dự án vẫn không có khả năng trả nợ, Hội đồng quản lý Quỹ xem xét khoan nợ cho chủ dự án trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

b. Do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ làm tổn thất toàn bộ hay một phần tài sản, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận mức độ thiệt hại mà chủ đầu tư không còn khả năng trả nợ hoặc giảm khả năng trả nợ, thì chủ dự án phải dùng toàn bộ số tiền bảo hiểm được cơ quan bảo hiểm bồi thường để trả nợ cho Quỹ (nếu có). Sau đó tùy theo mức độ thiệt hại của dự án và khả năng trả nợ còn lại của chủ dự án sẽ được Giám đốc Quỹ thẩm tra báo cáo và trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét xóa nợ một phần hoặc toàn bộ nợ vay của dự án cho chủ dự án.

Đối với dự án đã được quyết định xóa nợ một phần, số nợ vay còn lại có thể được Quỹ xem xét theo thẩm quyền để miễn, giảm lãi tiền vay, gia hạn nợ, khoan nợ tùy thuộc vào khả năng trả nợ thực tế của chủ dự án.

2. Khoản bù đắp rủi ro trong các trường hợp khoan nợ, xóa nợ quy định tại khoản 1 Điều này được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro của Quỹ. Trường hợp



Quỹ dự phòng rủi ro không đủ bù đắp, Giám đốc Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

## Mục II

### HỖ TRỢ LÃI SUẤT VAY

#### Điều 24. Đối tượng được hỗ trợ lãi suất vay

Đối tượng được Quỹ hỗ trợ lãi suất vay vốn tín dụng là chủ dự án được quy định tại Điều 2 của Quy chế này đã được vay vốn của các tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam.

#### Điều 25. Phạm vi được hỗ trợ lãi suất vay

Chủ dự án chỉ được nhận hỗ trợ lãi suất vay đối với số vốn vay đầu tư trong lĩnh vực bảo vệ môi trường được thẩm định (không bao gồm các khoản nợ quá hạn) trong phạm vi tổng mức đầu tư của dự án.

#### Điều 26. Điều kiện để được hỗ trợ lãi suất vay

Để được hỗ trợ lãi suất vay, chủ dự án có dự án vay đề nghị được hỗ trợ lãi suất vay phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

1. Chủ dự án đã ký hợp đồng vay vốn với tổ chức tín dụng nhưng chưa tới thời hạn thanh lý hợp đồng.
2. Dự án được cơ quan quản lý nhà nước về môi trường xác nhận là dự án thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ môi trường hoặc giải quyết các vấn đề môi trường.
3. Dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng, nợ gốc và lãi vay đã được chủ dự án hoàn trả đúng hạn.
4. Dự án chưa được vay với lãi suất ưu đãi hoặc tài trợ bằng nguồn vốn hoạt động của Quỹ.
5. Hồ sơ hỗ trợ lãi suất vay được Quỹ thẩm định và ký hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay vốn.

#### Điều 27. Mức hỗ trợ lãi suất vay

1. Mức lãi suất hỗ trợ bằng 50% mức lãi suất vay theo hợp đồng tín dụng vay để thực hiện dự án bảo vệ môi trường với tổ chức tín dụng.

2. Xác định mức hỗ trợ lãi suất vay

$$\text{Số tiền hỗ trợ} = \text{Vốn gốc được xét duyệt hỗ trợ} \times \text{lãi suất vay tổ chức tín dụng} \times \text{thời gian vay} \times 50\%$$

3. Mức hỗ trợ lãi suất vay được xác định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này là căn cứ để ký hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay và lập kế hoạch hỗ trợ lãi suất vay.

hàng năm. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định danh mục các dự án, tổng mức hỗ trợ lãi suất vay hàng năm và thẩm quyền quyết định hỗ trợ lãi suất của Giám đốc.

#### **Điều 28. Thẩm quyền quyết định hỗ trợ lãi suất vay**

1. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định hỗ trợ lãi suất vay đối với những dự án có số tiền hỗ trợ vượt mức thẩm quyền của Giám đốc Quỹ.
2. Giám đốc Quỹ quyết định hỗ trợ lãi suất vay trong phạm vi mức hỗ trợ lãi suất do Hội đồng Quản lý Quỹ quy định.

#### **Điều 29. Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, thời gian giải quyết**

1. Chủ dự án gửi đến Quỹ hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vay, nội dung hồ sơ theo qui định và hướng dẫn cụ thể của Quỹ. Ngoài các giấy tờ qui định tại Mục a, b Điều 14 của Quy chế này, Chủ dự án cung cấp các giấy tờ sau:

- a. Biên bản nghiệm thu công trình hoặc hạng mục công trình đưa vào sử dụng;
- b. Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án theo quy định hiện hành;
- c. Hợp đồng tín dụng, bảng kê số vốn giải ngân của tổ chức tín dụng;
- d. Chứng từ trả nợ của chủ dự án cho tổ chức tín dụng cho vay vốn;
- e. Các tài liệu liên quan khác.

2. Việc thẩm định hồ sơ hỗ trợ lãi suất vay được thực hiện theo Điều 15 của Quy chế này.

3. Thời gian thẩm định và quyết định hỗ trợ lãi suất vay được thực hiện theo Điều 16 của Quy chế này.

#### **Điều 30. Hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay**

Hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay theo mẫu của Quỹ và gồm các nội dung sau: Tên, địa chỉ bên hỗ trợ và bên nhận hỗ trợ (chủ dự án); người đại diện ký hợp đồng, tên dự án đầu tư, tài khoản mở tại tổ chức tín dụng cho vay vốn; tổng mức vốn đầu tư; số hợp đồng vay vốn; tổ chức cho vay; số vốn vay; thời hạn vay; kỳ hạn trả nợ; số tiền hỗ trợ lãi suất vay vốn; số tiền hỗ trợ lãi suất vay có chia ra theo kỳ hạn trả nợ vay vốn tín dụng; quyền, nghĩa vụ của các bên và các cam kết khác (nếu có).

Hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay vốn được lập thành bốn (04) bản có giá trị pháp lý như nhau và gửi cho chủ dự án một (01) bản, cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ hai (02) bản, Hội đồng quản lý Quỹ một (01) bản.

#### **Điều 31. Cấp vốn hỗ trợ lãi suất vay**

1. Việc cấp tiền hỗ trợ lãi suất vay được thực hiện một (01) lần trên cơ sở đơn vị đã thanh toán dứt điểm lãi suất và nợ vay cho tổ chức tín dụng. Khi nhận vốn hỗ trợ lãi suất vay, chủ dự án phải ký vào Giấy nhận hỗ trợ lãi suất.



2. Hồ sơ cấp vốn hỗ trợ lãi suất vay: Theo quy định tại Khoản 1, Điều 29 của Quy chế này.

3. Tài liệu chủ dự án gửi Quỹ phải là bản gốc. Trường hợp không thể nộp bản gốc (có lý do chính đáng và cam kết của chủ dự án) cho Quỹ thì bản sao phải có công chứng nhà nước và chủ dự án có trách nhiệm cung cấp bản gốc để Quỹ đối chiếu.

### Mục III

## TÀI TRỢ VÀ ĐỒNG TÀI TRỢ

### Điều 32. Đối tượng nhận tài trợ và đồng tài trợ:

Là các tổ chức, cá nhân thực hiện các chương trình, dự án về bảo vệ môi trường trong các lĩnh vực sau:

1. Các hoạt động phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường.

2. Thiết kế các chương trình, dự án nhằm vận động sự tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước cho bảo vệ môi trường.

3. Các dự án đầu tư để khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường tự nhiên, các nghiên cứu ứng dụng các giải pháp phòng tránh, hạn chế và khắc phục ô nhiễm môi trường.

4. Tổ chức các giải thưởng môi trường, các hình thức khen thưởng nhằm tôn vinh các tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến về bảo vệ môi trường.

### Điều 33. Điều kiện để được tài trợ và đồng tài trợ

1. Dự án thuộc đối tượng quy định tại Điều 32 của Quy chế này.

2. Nội dung và kinh phí thực hiện các chương trình, dự án bảo vệ môi trường xin tài trợ hoặc đồng tài trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Hồ sơ tài trợ hoặc đồng tài trợ được Quỹ chấp thuận và ký hợp đồng tài trợ hoặc đồng tài trợ.

### Điều 34. Mức tài trợ và đồng tài trợ:

1. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định danh mục, mức tài trợ, đồng tài trợ hàng năm của Quỹ.

2. Giám đốc Quỹ quyết định tài trợ, đồng tài trợ trong phạm vi mức tài trợ, đồng tài trợ do Hội đồng quản lý Quỹ quy định.

### Điều 35. Thẩm quyền quyết định tài trợ, đồng tài trợ

1. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định tài trợ, đồng tài trợ đối với những chương trình, dự án vượt mức thẩm quyền của Giám đốc Quỹ.

2. Giám đốc Quỹ quyết định tài trợ, đồng tài trợ trong phạm vi mức tài trợ, đồng tài trợ do Hội đồng quản lý Quỹ quy định.

### Điều 36. Tiếp nhận hồ sơ và thẩm định hồ sơ tài trợ, đồng tài trợ

1. Trước khi Quỹ quyết định tài trợ hoặc đồng tài trợ, các tổ chức, cá nhân có chương trình, dự án bảo vệ môi trường phải gửi đến Quỹ hồ sơ đề nghị tài trợ, đồng tài trợ. Nội dung đề nghị tài trợ, đồng tài trợ theo quy định và hướng dẫn cụ thể của Quỹ, hồ sơ gồm có:

- a. Giấy đề nghị tài trợ hoặc đồng tài trợ;
- b. Hồ sơ dự án đầu tư (chủ trương đầu tư, dự án đầu tư,...);
- c. Phương án sử dụng vốn tài trợ hoặc đồng tài trợ;
- d. Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền được sử dụng nguồn vốn của Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- e. Các tài liệu khác liên quan đến dự án.

2. Quy trình thẩm định hồ sơ đề nghị tài trợ, đồng tài trợ được thực hiện gồm 2 bước: bước 1 và bước 3 (không thực hiện bước 2) theo Điều 15 của Quy chế này.

3. Thời gian thẩm định và quyết định tài trợ, đồng tài trợ theo Điều 16 của Quy chế này.

### **Điều 37. Hợp đồng tài trợ, đồng tài trợ**

1. Hợp đồng tài trợ và đồng tài trợ bao gồm các nội dung sau:

Tên cơ quan và đại diện có thẩm quyền của các bên tài trợ và bên nhận tài trợ (chủ dự án), địa chỉ, số tài khoản, mục đích sử dụng tài trợ, tổng vốn thực hiện dự án, số vốn được tài trợ hoặc đồng tài trợ, cách thức và tiến độ cấp vốn tài trợ, quyền và nghĩa vụ của các bên và các cam kết được các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Hợp đồng tài trợ hoặc đồng tài trợ được ký một lần theo mẫu qui định của Quỹ.

3. Hợp đồng tài trợ hoặc đồng tài trợ được thành lập bốn (04) bản có giá trị như nhau và gửi cho chủ dự án một (01) bản, cơ quan điều hành Quỹ hai (02) bản, Hội đồng quản lý Quỹ một (01) bản.

4. Sau khi ký hợp đồng tài trợ, đồng tài trợ hoặc đang trong quá trình thực hiện hợp đồng tài trợ, đồng tài trợ nếu phát hiện chủ dự án có vi phạm hợp đồng hoặc sử dụng vốn tài trợ không đúng mục đích, không hiệu quả, Quỹ có quyền đình chỉ việc thực hiện hợp đồng tài trợ, đồng tài trợ và báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, xử lý.

### **Điều 38. Quá trình cấp vốn tài trợ**

1. Căn cứ Hợp đồng tài trợ, đồng tài trợ, Quỹ có trách nhiệm kiểm tra và thực hiện cấp vốn tài trợ cho chủ dự án theo đúng cách thức và tiến độ đã ký kết trong hợp đồng.

2. Mỗi lần nhận vốn tài trợ (bao gồm cả cấp vốn tài trợ tạm ứng và cấp vốn tài trợ thanh toán), chủ dự án phải ký nhận vốn tài trợ.



3. Trong các tài liệu do chủ dự án gửi đến Quỹ, có loại tài liệu chỉ gửi một lần cho toàn bộ dự án và loại tài liệu gửi nhiều lần khi đề nghị thanh toán (hoặc tạm ứng). Các tài liệu gửi một lần bao gồm: báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán, văn bản phê duyệt kết quả đấu thầu (hoặc dự toán được duyệt) kèm theo các tài liệu về dự toán, hợp đồng kinh tế giữa chủ dự án và nhà thầu, giấy phép xây dựng (nếu có).

4. Tài liệu gửi đến Quỹ phải là bản gốc. Trường hợp không thể nộp bản gốc (có lý do chính đáng và cam kết của chủ dự án) cho Quỹ thì phải bản sao có công chứng Nhà nước và chủ dự án có trách nhiệm cung cấp bản gốc để Quỹ đối chiếu.

## **Mục IV**

### **NHẬN ỦY THÁC**

#### **Điều 39. Nhận ủy thác**

1. Quỹ được nhận vốn ủy thác của các cá nhân, tổ chức trong nước và ngoài nước để thực hiện cho vay, thu hồi nợ vay theo hợp đồng ủy thác.

2. Việc nhận ủy thác thực hiện theo nội dung hợp đồng nhận ủy thác được ký kết giữa Quỹ và bên ủy thác, phù hợp với khả năng của mỗi bên và với pháp luật hiện hành.

3. Khi nhận ủy thác cho vay, thu hồi nợ vay, Quỹ được hưởng phí ủy thác và các khoản hưởng lợi khác được thỏa thuận và ghi trong hợp đồng nhận ủy thác và Quỹ không phải chịu trách nhiệm về hiệu quả cũng như các thủ tục pháp lý ban đầu của dự án.

#### **Điều 40. Hợp đồng nhận ủy thác**

1. Nội dung hợp đồng nhận ủy thác bao gồm:

Tên, địa chỉ của bên ủy thác, bên nhận ủy thác cho vay; số tiền ủy thác cho vay; đối tượng khách hàng vay vốn; các nhu cầu vốn cho vay; đồng tiền cho vay; thời hạn ủy thác cho vay; thời hạn cho vay đối với khách hàng; lãi suất cho vay; cơ cấu lại thời hạn trả nợ; biện pháp bảo đảm tiền vay; phí ủy thác; bên có trách nhiệm thẩm định cho vay và giám sát sử dụng vốn vay; trách nhiệm xử lý rủi ro của bên ủy thác; quyền và nghĩa vụ của các bên; việc miễn, giảm lãi tiền vay; các trường hợp chấm dứt hợp đồng ủy thác cho vay trước thời hạn; xử lý vi phạm hợp đồng; các nội dung khác do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.

2. Trình tự ký hợp đồng nhận ủy thác:

Sau khi nhận được yêu cầu của bên ủy thác, Giám đốc Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định. Trường hợp đồng ý, sau khi có quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ tiến hành ký hợp đồng nhận ủy thác.

Trường hợp không đồng ý nhận ủy thác thì Quỹ thông báo từ chối bằng văn bản cho đối tác biết.



**Chương III**  
**QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA QUỸ VÀ CÁC BÊN THAM GIA HOẠT**  
**ĐỘNG CHO VAY ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ LÃI SUẤT, TÀI TRỢ,**  
**ĐỒNG TÀI TRỢ VÀ NHẬN ỦY THÁC**

**Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Quỹ**

Quỹ có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

1. Yêu cầu chủ dự án, bên cung cấp tài liệu chứng minh dự án đầu tư đúng mục đích theo quy định của Quỹ, tính khả thi, hiệu quả kinh tế, môi trường, xã hội của dự án, khả năng tài chính của chủ dự án theo yêu cầu của từng hình thức hỗ trợ tài chính trước khi quyết định hỗ trợ cho các dự án đầu tư môi trường.
2. Thẩm định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định hồ sơ hỗ trợ tài chính.
3. Từ chối cho vay nếu xét thấy dự án không đúng mục đích bảo vệ môi trường, không có hiệu quả, chủ dự án không có khả năng hoàn trả nợ vay hoặc tài sản bảo đảm tiền vay không đủ điều kiện theo quy định hiện hành. Khi từ chối phải có văn bản gửi chủ dự án nêu rõ lý do, đồng thời phải báo cáo với Hội đồng quản lý Quỹ.
4. Kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, hỗ trợ lãi suất, tài trợ và đồng tài trợ, sử dụng vốn vay và trả nợ của chủ dự án, kiểm tra tài sản bảo đảm tiền vay, tài sản bảo lãnh khi cần thiết.
5. Chấm dứt việc cho vay, hỗ trợ lãi suất, tài trợ và đồng tài trợ, thu hồi nợ vay trước hạn hoặc thu lại các khoản đã hỗ trợ, tài trợ khi phát hiện chủ dự án cung cấp hồ sơ sai sự thật, sử dụng vốn sai mục đích, vi phạm hợp đồng hỗ trợ tài chính đã ký.
6. Khởi kiện chủ dự án vi phạm hợp đồng hỗ trợ tài chính.
7. Quỹ có quyền phát mại tài sản cầm cố, tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật nếu đến hạn trả nợ mà chủ dự án không trả được nợ nếu các bên không có thỏa thuận khác.
8. Gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ theo các quy định tại Điều 22 của Quy chế này và thực hiện quyết định của Hội đồng quản lý đối với dự án được xóa nợ.
9. Thực hiện việc cho vay, hỗ trợ lãi suất vay, tài trợ và đồng tài trợ đúng đối tượng theo Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ và các quy định tại Quy chế này.
10. Thông báo cho bên ủy thác việc thực hiện cho vay theo hợp đồng ủy thác cho vay, cung cấp các thông tin và tài liệu về khả năng tài chính, đối tượng khách hàng, tình hình giải ngân, khả năng thu hồi nợ, phân loại nợ và thông tin, tài liệu cần thiết khác liên quan đến việc cho vay theo hợp đồng ủy



thác cho vay; chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin và tài liệu đã cung cấp cho bên ủy thác.

11. Giao lại vốn nhận ủy thác và lãi thu được từ hoạt động cho vay đối với khách hàng cho bên ủy thác theo hợp đồng ủy thác cho vay.

12. Thực hiện phân loại nợ đối với dư nợ cho vay theo hợp đồng ủy thác cho vay nhằm đánh giá đúng tình hình tài chính, khả năng trả nợ của khách hàng phục vụ cho công tác quản lý rủi ro tín dụng.

13. Quỹ có quyền hủy hợp đồng nhận ủy thác và thông báo cho tổ chức ủy thác và chủ dự án biết hoặc khởi kiện trong trường hợp tổ chức ủy thác vi phạm, thực hiện không nghiêm chỉnh các nội dung và cam kết trong hợp đồng nhận ủy thác.

14. Thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng hỗ trợ tài chính, hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay, hợp đồng tài trợ và đồng tài trợ, hợp đồng nhận ủy thác.

15. Lưu giữ, bảo quản hồ sơ hỗ trợ tài chính, hồ sơ bảo đảm tiền vay phù hợp với quy định của pháp luật.

#### **Điều 42. Quyền và nghĩa vụ của chủ dự án**

Chủ dự án có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

1. Từ chối các yêu cầu của Quỹ không đúng với các quy định của pháp luật và không thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn.

2. Khiếu nại, khởi kiện vi phạm hợp đồng hỗ trợ tài chính theo quy định của pháp luật.

3. Yêu cầu cấp vốn vay ưu đãi, vốn hỗ trợ lãi suất, vốn tài trợ khi có đủ điều kiện, chịu trách nhiệm sử dụng vốn vay, hỗ trợ lãi suất vay, tài trợ đúng mục đích, có hiệu quả.

4. Cung cấp cho Quỹ đầy đủ, kịp thời, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn, hỗ trợ lãi suất, tài trợ và đồng tài trợ, sử dụng vốn vay và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp của các thông tin, tài liệu đã cung cấp cho Quỹ, tạo điều kiện để Quỹ thực hiện kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay, cam kết gửi đủ báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính hàng quý và hàng năm cho Quỹ trong suốt thời gian chưa trả hết nợ vay.

5. Sử dụng vốn vay, hỗ trợ lãi suất và tài trợ đúng mục đích, thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng hỗ trợ tài chính.

6. Thực hiện báo cáo quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành theo đúng chế độ hiện hành.

7. Trả nợ vốn vay theo thỏa thuận trong hợp đồng hỗ trợ tài chính.

8. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không thực hiện đúng những thỏa thuận về việc trả nợ vay và thực hiện các nghĩa vụ bảo đảm tiền vay đã cam kết trong hợp đồng hỗ trợ tài chính.

### **Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức ủy thác cho vay**

1. Quyết định lựa chọn bên nhận ủy thác cho vay nhằm đảm bảo việc sử dụng vốn ủy thác an toàn và hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.
2. Yêu cầu bên nhận ủy thác thông báo việc thực hiện cho vay theo hợp đồng ủy thác cho vay; cung cấp tài liệu chứng minh khả năng tài chính của tổ chức, cá nhân vay vốn, tình hình giải ngân, khả năng thu hồi nợ và thông tin, tài liệu cần thiết khác liên quan đến tổ chức, cá nhân vay và việc cho vay, thu hồi nợ cho vay theo ủy thác.
3. Từ chối các yêu cầu của bên nhận ủy thác trái với những thỏa thuận trong hợp đồng ủy thác cho vay.
4. Nhận lại vốn ủy thác và lãi cho vay đối với khách hàng từ bên nhận ủy thác theo hợp đồng ủy thác cho vay.
5. Xử lý theo thẩm quyền hoặc khởi kiện trước pháp luật đối với bên nhận ủy thác vi phạm hợp đồng ủy thác cho vay.
6. Thực hiện việc chuyển vốn ủy thác, trả phí ủy thác cho bên nhận ủy thác và các thỏa thuận tại hợp đồng ủy thác cho vay.
7. Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn ủy thác.
8. Thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng và xử lý rủi ro đối với dư nợ cho vay ủy thác theo quy định của pháp luật.
9. Lưu giữ hồ sơ ủy thác cho vay phù hợp với quy định của pháp luật.
10. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo nội dung hợp đồng ủy thác cho vay, phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan hoặc khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

### **Chương IV**

### **KIỂM TRA GIÁM SÁT, BÁO CÁO, THANH TRA, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 44. Kiểm tra, giám sát sử dụng vốn hỗ trợ**

1. Sau khi cấp vốn hỗ trợ tài chính, Quỹ có trách nhiệm kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tại hiện trường dự án của đơn vị nhận vốn hỗ trợ tài chính đảm bảo đúng cam kết sử dụng vốn hỗ trợ giữa hai bên được quy định trong hợp đồng hỗ trợ tài chính.
2. Đối với tài sản đảm bảo (kể cả tài sản của người bảo lãnh thứ ba) là động sản, bất động sản, Quỹ thường xuyên kiểm tra trên hồ sơ bảo đảm tiền vay và kiểm tra tài sản tại hiện trường để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh như mất mát, hư hỏng, giảm giá trị, có sự chuyển người sở hữu, người sử dụng, những biến động về giá trị tài sản do tăng, giảm giá thị trường, do khai thác sử dụng, bảo quản tài sản.



3. Trong khi kiểm tra nếu phát hiện đơn vị sử dụng vốn hỗ trợ không đúng mục đích, Quỹ kiểm tra kịp thời báo cáo trực tiếp với Giám đốc Quỹ và đề xuất các biện pháp xử lý, trình Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định.

#### **Điều 45. Báo cáo, thanh tra và xử lý vi phạm**

1. Quỹ có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ định kỳ và đột xuất về tình hình cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất, tài trợ và đồng tài trợ cho các chương trình, dự án đầu tư bảo vệ môi trường.

2. Tất cả các hoạt động cho vay, hỗ trợ lãi suất, tài trợ và đồng tài trợ đều phải chịu sự thanh tra, kiểm tra của Ban kiểm soát Quỹ và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Chủ dự án các dự án đầu tư môi trường nếu vi phạm các quy định về cho vay, hỗ trợ lãi suất, tài trợ và đồng tài trợ thì tùy theo mức độ vi phạm có thể bị xử phạt hành chính, nếu gây thiệt hại về tài sản thì phải bồi thường và xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Người quyết định cho vay, hỗ trợ lãi suất, tài trợ và đồng tài trợ sai mục đích, gây hậu quả nghiêm trọng thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Quỹ nếu vi phạm hợp đồng hỗ trợ tài chính, hợp đồng nhận ủy thác thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 46. Tổ chức thực hiện**

1. Các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ, Trưởng Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ, Hội đồng thẩm định các chương trình dự án chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này, các quy định trước đây trái với quy chế này đều bị bãi bỏ.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Giám đốc Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH**  
**Trần Ngọc Thới**